



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

# **VĂN KIẾN**

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG  
NĂM 2020 - 2021**

Tháng 1/2021

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2020-2021**  
**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

-----❁-----

**\*Thời gian :** 8h30 ngày 21 tháng 01 năm 2021.

**\*Địa điểm :** Hội trường Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP Lầu 9, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

**\* 08h30 – 9h00 :**

- Dón khách.
- Cổ đông làm thủ tục đăng ký, nhận hồ sơ, lập danh sách cổ đông tham dự.

**\* 09h00:**

- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
- Giới thiệu thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký.
- Thông qua quy chế làm việc đại hội.

**\* 09h15: Thông qua chương trình chính của đại hội.**

1. Tờ trình thông qua việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP liên quan đến một số thay đổi của Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực vào ngày 01/01/2021.
2. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT CCI.
3. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021:
  - Thông qua quy chế bầu cử và ứng cử.
  - Thông qua danh sách các ứng cử viên bầu vào HĐQT.
  - Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử.
  - Bỏ phiếu, Kiểm phiếu.
4. Tờ trình thông qua việc cổ đông chiến lược được tự do chuyển nhượng cổ phần.
5. Tờ trình thông qua việc cho phép cổ đông là người lao động trong CCI được chuyển nhượng tự do cổ phần bị hạn chế theo năm công tác so với cam kết trước đây.
6. Biểu quyết thông qua các Tờ trình.
7. Thông báo kết quả bầu cử. Hội đồng quản trị ra mắt Đại hội.

**\* 11h10: Thông qua biên bản và nghị quyết đại hội.**

**\* 11h30: Bế mạc Đại hội.**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

## TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP*

Kính gửi:           **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/01/2021 của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CCI**



**LÊ DŨNG**

TP. HCM, ngày 05 tháng 01 năm 2021

## QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

### A. CÁC CƠ SỞ ĐỀ XÂY DỰNG

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
2. Căn cứ Luật chứng khoán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
3. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 19/06/2020;
4. Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP ban hành theo quyết định số 20/QĐ-HDQT ngày 17/04/2020 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

### B. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/01/2021 của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CCI).

### C. NỘI DUNG

#### **Điều 1. Phạm vi áp dụng và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

- Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

## **Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội**

### **1. Điều kiện tham dự Đại hội**

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP theo danh sách chốt đến 17 giờ 00, ngày 31/12/2020 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Giấy Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền và thông báo mời họp (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

### **2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội**

- Dăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ nêu trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận tài liệu Đại hội và **01 Phiếu biểu quyết** (Bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông, Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền));
- Trang phục chỉnh tề, không mặc quần đùi, váy quá ngắn, áo sát nách, áo dây hoặc trang phục khác không phù hợp để tham dự Đại hội;
- Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội;
- Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa đại hội, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua.

Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp.

Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi và chuyển cho Ban thư ký.

- e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng cách biểu quyết;
- g) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, giữ trật tự chung;
- h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

### **Điều 3. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa Đại hội**

1. Đoàn chủ tịch: gồm 3 người, bao gồm 01 Chủ tịch đoàn và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch đoàn và là người chủ trì Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tịch đoàn theo nguyên tắc đa số.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:
  - a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
  - b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
  - c) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

### **Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có nhiệm vụ sau đây:

- a) Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội hay không;
- b) Cấp phát tài liệu đại hội và Phiếu biểu quyết;
- c) Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

#### **Điều 5. Ban thư ký Đại hội**

1. Ban tổ chức giới thiệu Ban thư ký để Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và biểu quyết thông qua tại Đại hội.
2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đại hội, bao gồm:
  - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
  - b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
  - c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

#### **Điều 6. Ban Kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 người do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;
  - b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký.

#### **Điều 7. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **Phiếu biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện.
2. Cách thức biểu quyết:
  - Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo điều khiển của Chủ tọa;

- Khi biểu quyết về một vấn đề được Đại hội đồng cổ đông đưa ra, các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến) thông qua việc giơ Phiếu biểu quyết lên cao theo hướng dẫn của Chủ tọa và điền theo phiếu biểu quyết. Các nội dung cần biểu quyết bao gồm:
  - Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và thông qua Chương trình nghị sự;
  - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
  - Và các nội dung khác theo diễn biến thực tế.
- 3. Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm đếm số phiếu biểu quyết tương ứng theo biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội. Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được thông báo kết quả tại Đại hội.

#### **Điều 8. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp tán thành.

#### **Điều 9. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội lưu giữ tại Tổng Công ty.

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

Quy chế này gồm 10 Điều, có hiệu lực thi hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



LÊ DŨNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05... tháng 07... năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh và yêu cầu trong quản trị, điều hành của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nhằm đảm bảo tính tuân thủ về mặt pháp lý của Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP, phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 (Luật doanh nghiệp 2020), kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Điều lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và pháp luật có liên quan.

Đính kèm: Phụ lục Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CCI



LÊ DŨNG

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
Chương I.....	1
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ.....	1
Điều 2. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong CC1.....	3
Chương II .....	3
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....	3
Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp.....	3
Chương III .....	5
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CC1 .....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của CC1 .....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	6
Chương IV.....	6
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN .....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông .....	8
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	9
Điều 10. Phát hành và chào bán cổ phần .....	9
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 12. Thu hồi cổ phần.....	11
Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu.....	11
Điều 14. Mua cổ phần, trái phiếu.....	12
Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông .....	12
Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty .....	12
Điều 17. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	13
Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại .....	13



Điều 19. Quyền sử dụng logo, thương hiệu của CC1 .....	14
Chương V .....	14
<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>	<b>14</b>
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.....	14
Chương VI.....	14
<b>CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG .....</b>	<b>14</b>
Điều 21. Quyền của cổ đông .....	14
Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông .....	16
Điều 23. Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 29. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	26
Điều 30. Thâm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	30
Chương VII .....	30
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>30</b>
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	32
Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	35
Điều 36. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	35
Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	38
Chương VIII .....	39
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>39</b>
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý .....	39
Điều 39. Mức lương, tiền thù lao của cán bộ quản lý .....	39
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	39
Điều 41. Thư ký Hội đồng quản trị .....	40



Điều 42. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	41
Chương IX.....	41
<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>41</b>
Điều 43. Ban kiểm soát.....	41
Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	42
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	42
Điều 46. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	44
Điều 47. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	44
Điều 48. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	45
Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	45
Chương X.....	46
<b>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....</b>	<b>46</b>
Điều 50. Trách nhiệm căn trọng.....	46
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	46
Chương XI.....	47
<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>47</b>
Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	47
Chương XII.....	48
<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>48</b>
Điều 53. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ.....	48
Điều 54. Trả Cổ tức.....	49
Chương XIII.....	50
<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....</b>	<b>50</b>
Điều 55. Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 56. Năm tài chính.....	50
Điều 57. Chế độ kế toán.....	51
Chương XIV.....	51
<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHIỨNG.....</b>	<b>51</b>
Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	51
Điều 59. Báo cáo thường niên.....	52
Chương XV.....	52
<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>52</b>



Điều 60. Kiểm toán .....	52
Chương XVI .....	52
<b>ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CC1</b> ....	<b>52</b>
Điều 61. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của CC1 .....	52
Điều 62. Mối quan hệ giữa CC1 với các đơn vị phụ thuộc .....	53
Điều 63. Mối quan hệ giữa CC1 với các Công ty con, Công ty liên kết của CC1 ..	53
Chương XVII .....	55
<b>NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA CC1 TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC</b> .....	<b>55</b>
Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của CC1 .....	55
Điều 65. Quyền, nhiệm vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn .....	56
Chương XVIII .....	59
<b>CON DẤU</b> .....	<b>59</b>
Điều 66. Con dấu .....	59
Chương XIX .....	59
<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG</b> .....	<b>59</b>
Điều 67. Giải thể, chấm dứt hoạt động .....	59
Chương XX .....	59
<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b> .....	<b>59</b>
Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	59
Chương XXI .....	60
<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> .....	<b>60</b>
Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	60
Chương XXII .....	61
<b>NGÀY HIỆU LỰC</b> .....	<b>61</b>
Điều 70. Ngày hiệu lực .....	61

## PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020,

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày tháng 01 năm 2021.

### Chương I

#### CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “CCI” là tên viết tắt của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần.
  - b. “Tổng công ty” là Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần.
  - c. Cán bộ quản lý trong Tổng công ty bao gồm “Cán bộ quản lý cấp cao” và “Cán bộ quản lý cấp trung”:
    - “Cán bộ quản lý cấp cao” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác do Hội đồng quản trị bầu, bổ nhiệm.
    - “Cán bộ quản lý cấp trung” là các vị trí quản lý trong Tổng công ty được Tổng Giám đốc bổ nhiệm, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng, Phó các phòng/ban, Phụ trách kế toán các chi nhánh, hoặc các vị trí quản lý tương đương khác.
  - d. “Công ty con” là bất kỳ công ty nào mà trong đó CCI:
    - Sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó.
    - Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó.



- e. “Công ty liên kết” là bất kỳ công ty nào mà trong đó CCI sở hữu trực tiếp hay gián tiếp (thông qua các công ty con) từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành hoặc có quyền đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó nhưng không kiểm soát các chính sách đó hoặc chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với CCI theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký với CCI.
- f. “Cổ phần” là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- g. “Cổ đông” là các cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
- h. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
- i. “Đơn vị phụ thuộc” là đơn vị hạch toán phụ thuộc của CCI.
- j. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- k. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- l. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- m. “Người đại diện phần vốn” theo ủy quyền của CCI tại các doanh nghiệp khác là người được Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của CCI tại các doanh nghiệp khác, thay mặt CCI thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của CCI.
- n. “Ngày thành lập” là ngày Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- o. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 3 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.
- p. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.





- q. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
  3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **Điều 2. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong CCI**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong CCI hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong CCI hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức đó phù hợp với quy định pháp luật.
3. CCI tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

## **Chương II**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp
  - Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần
  - Tên tiếng Anh: Construction Corporation Number 1 Joint Stock Company
  - Tên giao dịch:
    - Tiếng Việt: Tổng Công ty Xây dựng số 1
    - Tiếng Anh: Construction Corporation No.1
  - Tên viết tắt: CCI



- Logo của Tổng công ty:



Màu sắc nhãn hiệu: xanh lá cây, đỏ, trắng.

Loại nhãn hiệu: thông thường.

Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 140440 do Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp theo Quyết định số 641/QĐ-SHTT ngày 12/01/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 140813 do Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp theo Quyết định số 1083/QĐ-SHTT ngày 18/01/2010.

2. CC1 là loại hình công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của CC1 là:
  - Địa chỉ: 111A Pasteur – phường Bến Nghé – quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại: (84.28) 38.222.059
  - Fax: (84.28) 38.290.500
  - E-mail: info@cc1jsc.com.vn
  - Website: www.cc1jsc.com.vn
4. CC1 có một người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của CC1. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 50, Điều 51, các điều khoản khác của Điều lệ này; Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
5. CC1 có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của CC1 phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 67 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của CC1 bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.



### Chương III

## MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CCI

### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của CCI

#### 1. Lĩnh vực kinh doanh của CCI:

##### a. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, đường sắt, đường thủy, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông và môi trường đô thị, các công trình năng lượng (thủy điện, nhiệt điện, năng lượng sạch, v v...), công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình khai khoáng.
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, công nghiệp.
- Sản xuất điện năng.
- Đầu tư và kinh doanh các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng và vệ sinh môi trường.
- Tư vấn xây dựng (bao gồm tư vấn thiết kế, giám sát, đầu tư, kiểm định các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải).
- Khảo sát, đo đạc các công trình xây dựng.
- Hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Tháo dỡ các loại công trình, chuẩn bị mặt bằng. Các hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ.
- Đầu tư, kinh doanh khu du lịch, khách sạn.
- Đầu tư, kinh doanh dịch vụ logistics.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- Dịch vụ quảng cáo.
- Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.



- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí và các hệ thống xây dựng khác.
  - Dịch vụ vệ sinh chung nhà cửa, vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.
  - Quản lý vận hành nhà chung cư.
- b. Các ngành nghề kinh doanh khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu hoạt động của CC1:

CC1 được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu tối đa lợi nhuận, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, cộng đồng và phát triển doanh nghiệp.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. CC1 được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. CC1 có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với các quy định của pháp luật và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

### **Chương IV**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của CC1 là 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng).
  - Tổng số vốn điều lệ của CC1 được chia thành 110.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Việc thay đổi vốn điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.



3. Tất cả các cổ phần của CC1 vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 21 và Điều 22 Điều lệ này.
4. CC1 có thể phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác phù hợp với các quy định của pháp luật sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ thì cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong CC1, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. CC1 phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của CC1 quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. CC1 có thể mua cổ phần do chính doanh nghiệp đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do CC1 mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. CC1 có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của CC1 được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của CC1 và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của CC1 theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ



phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của CCI, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho CCI chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho CCI. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông**

1. CCI lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty.
  - b. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán.
  - c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp.
  - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
  - e. Số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra,



tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
5. Tổng công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

#### **Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của CC1 (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của CC1.

#### **Điều 10. Phát hành và chào bán cổ phần**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của CC1 tại thời điểm gần nhất trừ trường hợp sau đây:
  - a. Cổ phần bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở CC1.
  - b. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp CC1 phát hành thêm cổ phần và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện hữu của họ tại CC1 thì phải thực hiện theo quy định sau:
  - a. CC1 phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba (03) số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thông báo.
  - b. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.



- c. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về CC1 đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của CC1 hoặc người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định tại khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông hoặc phù hợp với các quy định pháp luật về chứng khoán có liên quan. Kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của CC1.
  4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, CC1 phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. CC1 có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại CC1.
  5. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (nếu có). Cổ phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, CC1 sẽ công nhận người thuộc trường hợp sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
  - a. Người có giấy tờ xác nhận quyền thừa kế theo quy định của pháp luật và đang





nắm giữ số cổ phiếu của người đã mất.

- b. Người thừa kế hợp pháp phải đăng ký chủ sở hữu đối với cổ phần được thừa kế tại CC1 và trở thành cổ đông mới của CC1, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế, trừ quyền thừa kế làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh do Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
4. Tổng công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu và các hồ sơ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán mua cổ phần của cổ đông.

### **Điều 12. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
2. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó vào thời điểm thu hồi. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu**

1. CC1 có quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục chào bán và chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.



#### **Điều 14. Mua cổ phần, trái phiếu**

Cổ phần, trái phiếu của CCI có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán một lần.

#### **Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại CCI hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu CCI mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến CCI trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. CCI giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty**

CCI có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại tối đa 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã được chào bán trong mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.
3. CCI có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần hiện có của từng cổ đông. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của CCI phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá



mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho CC1.

4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được CC1 trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. CC1 chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### **Điều 17. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. CC1 chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, CC1 vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của CC1 giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì CC1 phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### **Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này thì cổ đông phải hoàn trả cho CC1 số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho CC1 thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.



### **Điều 19. Quyền sử dụng logo, thương hiệu của CC1**

1. CC1, các đơn vị thành viên của CC1 sử dụng logo, thương hiệu riêng của mình đã được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ tại cơ quan có thẩm quyền.
2. Thương hiệu của CC1 có thể được định giá bằng tiền để chuyển thành vốn góp vào vốn điều lệ của các đơn vị thành viên, các đơn vị thành lập mới hoặc hình thức liên doanh liên kết khác trên cơ sở thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng sử dụng thương hiệu theo quy định của pháp luật.
3. Việc sử dụng logo, thương hiệu CC1 sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

## **Chương VI**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 21. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là chủ sở hữu CC1, có các quyền tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
  - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - g. Trường hợp CC1 giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi CC1 đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của CC1 theo quy định của pháp luật.
  - h. Yêu cầu CC1 mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 115 Luật Doanh nghiệp; đề nghị Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
  - b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.



- d. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

#### **Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi CC1 dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được CC1 hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong CC1 phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của CC1.
4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
6. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;



- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
11. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

### **Điều 23. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của CC1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của CC1.
  - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một phần hai (1/2) so với số đầu kỳ.
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ.



- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
  - c. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
5. Thời hạn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo quy định tại Khoản 4, Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CC1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 23 này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CC1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được CC1 hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:





- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.
  - b. Báo cáo tài chính hàng năm.
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
  - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
  - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác.
  - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
  - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông.
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty và chỉ định người thanh lý.
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.



- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty.
  - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự (*tham khảo mẫu giấy ủy quyền của CCI*), phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
  - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.



- c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.  
Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với CC1).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
  - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền sau thời điểm khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền sau thời điểm khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 23 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội và danh sách được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của CC1.
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.



3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của CC1, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của CC1. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:
  - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
  - d. Các trường hợp khác theo quy định.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình và nội dung cuộc họp, bao gồm các kiến nghị được nêu tại khoản 4 Điều này; trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này,



kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% (một trăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

### **Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết quy định tại khoản 1 điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết quy định tại khoản 2 điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, CC1 phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.



2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, CC1 cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự đúng theo chương trình đã thông qua.
8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu



sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà được cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được chủ tọa cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu chủ tọa thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.



## **Điều 29. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 6

Điều này:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý CC1.
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.
  - e. Tổ chức lại, giải thể CC1.
  - f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của CC1.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều này.
  3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
  4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
  5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của CC1.





### **Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của CC1.
  - b. Mục đích lấy ý kiến.
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
  - f. Thời hạn phải gửi về CC1 phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.



Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về CCI phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến CCI nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý CCI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh.
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
  - e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của CCI trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.



7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và



tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của CC1 trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.

### **Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 26 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **Chương VII**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (05 ứng viên).
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của CC1 và được chấp thuận.
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
  - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng.
  - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - f. Cung cấp thông tin cá nhân sau khi gửi cho CC1 với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điều lệ CC1 thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Các trường hợp khác Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của CC1.

#### **Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của CC1 phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh CC1 trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ này quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý cấp cao (không bao gồm Hội đồng quản trị) và người đại diện phần vốn của Tổng công ty.
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty (trừ việc tổ chức lại, giải thể CC1 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông CC1).
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty.



- f. Đề xuất phát hành các loại cổ phần, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước.
  - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
  - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 51 Điều lệ này.
  - i. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện việc ký kết, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh).
  - j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
  - k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
  - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức.
  - m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể CC1.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của CC1.
  - b. Thành lập các công ty con của CC1.
  - c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của CC1.
  - d. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.



- e. Việc định giá các tài sản góp vào CC1 không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của CC1, bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.
  - f. CC1 mua hoặc thu hồi không quá 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần đã được chào bán trong mười hai tháng.
  - g. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của CC1.
5. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. Thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách ngoài phần thù lao cho công việc với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương theo quy chế lương của CC1.
  6. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng và các lợi ích khác được hưởng từ CC1, công ty con, công ty liên kết của CC1 và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của CC1.
  7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
  8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.





### **Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của CC1, báo cáo kiểm toán và báo cáo giám sát của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc.

### **Điều 36. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang



- nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của CC1. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
    - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý cấp cao.
    - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
    - c. Ban Kiểm soát.
  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CC1; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
  5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.



Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 36, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của CCI. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

11. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị



quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

### **Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
  - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
  - c. Thời gian, địa điểm họp.
  - d. Họ, tên từng thành viên tham dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
  - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
  - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
  - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CC1.



## **Chương VIII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. CC1 sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý cấp cao (không bao gồm Hội đồng quản trị) và người đại diện phần vốn trong CC1 phải được thực hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.
2. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 39. Mức lương, tiền thù lao của cán bộ quản lý**

1. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng lao động với những cán bộ quản lý cấp cao khác do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý cấp trung do Tổng Giám đốc quyết định.

#### **Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của CC1; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
  - b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của CC1.
  - c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của CC1.



- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong CC1, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong CC1.
  - f. Tuyển dụng lao động.
  - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
  - h. Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của CC1.
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CC1 theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với CC1 và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho CC1 thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho CC1.
5. Tổng Giám đốc không là người có quan hệ gia đình của người quản lý, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của CC1 tại các công ty.

#### **Điều 41. Thư ký Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị chỉ định một người làm Thư ký Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tham dự các cuộc họp.
3. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.



**Điều 42. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh CC1 khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho CC1 hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
  - a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.
  - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao.
  - c. Lạm dụng địa vị chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh tài sản khác của CC1 để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh CC1 sẽ tính vào chi phí của CC1, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**Chương IX**

**BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 43. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một thành viên có chuyên môn kế toán hoặc kiểm toán làm Trưởng Ban Kiểm soát và phải làm việc chuyên trách tại CC1.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử



một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (03 ứng viên).

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
4. Không phải là người quản lý trong CC1; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của CC1.
5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của CC1.
6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CC1 trong ba (03) năm liền kề trước đó.
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

#### **Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành CC1.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của CC1, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường





niên Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông .

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của CC1.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của CC1, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.  
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của CC1.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của CC1.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của CC1.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của CC1 để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.



12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 46. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
  - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.
  - b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
  - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do CC1 phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của CC1 lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của CC1 trong giờ làm việc theo kế hoạch.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của CC1 theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 47. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp



luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1.

#### **Điều 48. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của CC1.
3. Trung thành với lợi ích của CC1 và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của CC1, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của CC1 để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho CC1 hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho CC1.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
  - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.



d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **Chương X**

### **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 50. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### **Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho CC1 vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của CC1 mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. CC1 không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa CC1 với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:



- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## Chương XI

### QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

#### Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của CCI. Yêu cầu kiểm tra do



- đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
  3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
  4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

## Chương XII

### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

#### Điều 53. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ

1. Hết năm tài chính và khi sản xuất kinh doanh có lãi, trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông, CCI trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ như sau:
  - a. Quỹ dự phòng tài chính.
  - b. Quỹ đầu tư phát triển.
  - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.Tỷ lệ phần trăm trích lập các loại quỹ trên theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
2. Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo.



- b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 54. Trả Cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của CC1. CC1 chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a. CC1 đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
  - b. Đã trích lập các quỹ khác và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, CC1 vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của CC1 hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
  - a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của CC1.
  - b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
  - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.



- d. Số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận.
  - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức.
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của CC1.
4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ CC1.
  5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, CC1 không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều lệ này, các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. CC1 phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

### **Chương XIII**

## **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

### **Điều 55. Tài khoản ngân hàng**

1. CC1 mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, CC1 có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. CC1 tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà CC1 mở tài khoản.

### **Điều 56. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.





### **Điều 57. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. CCI lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. CCI lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà CCI tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. CCI sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **Chương XIV**

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. CCI phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của CCI trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của CCI tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. CCI phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng, báo cáo quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.



4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý phải được công bố trên website của CC1.

#### **Điều 59. Báo cáo thường niên**

CC1 phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Chương XV**

#### **KIỂM TOÁN CÔNG TY**

##### **Điều 60. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán CC1 cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. CC1 phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của CC1, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán CC1 được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

### **Chương XVI**

#### **ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CC1**

##### **Điều 61. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của CC1**

1. CC1 có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.



2. CCI có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

#### **Điều 62. Mối quan hệ giữa CCI với các đơn vị phụ thuộc**

Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của CCI, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của CCI và các quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sẽ do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị ban hành. CCI sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.

#### **Điều 63. Mối quan hệ giữa CCI với các Công ty con, Công ty liên kết của CCI**

1. Với công ty con do CCI sở hữu 100% (*một trăm phần trăm*) vốn điều lệ:

CCI là chủ sở hữu của các công ty con do CCI sở hữu 100% (*một trăm phần trăm*) vốn điều lệ. Hội đồng quản trị CCI thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con này.

Quyền và nghĩa vụ của CCI đối với công ty con do CCI sở hữu 100% (*một trăm phần trăm*) vốn điều lệ được quy định tại Điều lệ của công ty con.

Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của CCI sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với công ty con:

- a. Quyết định ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm, hàng năm của công ty.
- b. Quyết định nội dung điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.
- c. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và điều lệ công ty con đó.



- d. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của các chức danh quản lý của công ty.
  - e. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng theo phân cấp tại Quy chế quản lý tài chính của CC1.
  - f. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty theo quy định của pháp luật;
  - g. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.
  - h. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.
  - i. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.
  - j. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
2. Với công ty con, công ty liên kết khác:

Công ty con, công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

CC1 là chủ sở hữu phần vốn của CC1 tại các công ty này. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị CC1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo thẩm quyền đối với vốn CC1 đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết này, bao gồm nhưng không giới hạn việc:

- a. Bổ nhiệm, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện sở hữu phần vốn của CC1.
- b. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con, công ty liên kết; yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của CC1.



- c. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con, công ty liên kết; giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con.
  - d. Yêu cầu công ty con, công ty liên kết cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của CC1.
3. Mọi quan hệ giữa CC1 với các công ty con, công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa CC1 với các công ty con, công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của CC1.
4. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều Người đại diện CC1 để thực hiện các quyền của CC1 với tư cách là chủ sở hữu đối với các công ty con do CC1 sở hữu 100% (*một trăm phần trăm*) vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do CC1 đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các công ty con, công ty liên kết, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Việc chỉ định Người đại diện phần vốn góp của CC1 phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những Người đại diện vốn góp của CC1 tại các công ty con, công ty liên kết do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với Điều lệ này, điều lệ các công ty con, công ty liên kết, quy chế hoạt động của Người đại diện của CC1 và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Chương XVII**

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA CC1 TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC**

#### **Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của CC1**

1. Người đại diện phần vốn của CC1 tại doanh nghiệp khác phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và thuộc quyền quản lý của CC1.
  - b. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ.



- c. Hiểu biết luật pháp, có ý thức chấp hành pháp luật.
  - d. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của CCI; Người đại diện phần vốn góp chi phối của CCI ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải biết một ngoại ngữ phổ biến đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh.
  - e. Không phải là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp có vốn đầu tư của CCI mà người đó được giao là người đại diện phần vốn.
  - f. Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của CCI mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp.
2. Người đại diện phần vốn của CCI khi tham gia ứng cử vào các chức danh lãnh đạo quản lý doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định luật pháp và Điều lệ này.

#### **Điều 65. Quyền, nhiệm vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn**

1. Người đại diện phần vốn của CCI có các nhiệm vụ sau:
  - a. Đại diện cho CCI thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại doanh nghiệp khác.
  - b. Theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.
  - c. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn của CCI tại công ty con, công ty liên kết gồm: Vốn cho người lao động vay để mua cổ phần, bán chịu cổ phần cho người lao động, chia cổ phần cho người lao động để hưởng cổ tức, chuyển nhượng cổ phần của CCI cho người khác, thu lợi tức được chia từ vốn góp vào doanh nghiệp khác.
2. Người đại diện phần vốn của CCI có các quyền sau:
  - a. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết sau khi được CCI chấp thuận và theo Điều lệ tại doanh nghiệp.



- b. Sử dụng quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn để định hướng công ty con, công ty liên kết thực hiện chiến lược, mục tiêu của CC1.
- c. Khi thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng và theo đúng chỉ đạo của CC1.
- d. Người đại diện phần vốn của CC1 làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp khác được hưởng chế độ tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác do doanh nghiệp chi trả theo quy định của Điều lệ và trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- e. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của Tổng công ty, hoặc doanh nghiệp quản lý chi trả. Ngoài ra còn được hưởng thù lao Người đại diện do doanh nghiệp đó trả theo quy định.

3. Người đại diện phần vốn của CC1 có các trách nhiệm sau:

- a. Xin ý kiến Hội đồng quản trị CC1 bằng văn bản trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp khác về: Mục tiêu, phương hướng, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; thu hồi vốn, huy động thêm vốn, đầu tư vào doanh nghiệp khác, chia cổ tức, bán tài sản có giá trị lớn; quyết định cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý điều hành doanh nghiệp và các dự án đầu tư theo phân cấp của CC1. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến trước khi xin ý kiến Hội đồng quản trị CC1.
- b. Chịu trách nhiệm trước CC1 về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của CC1 ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp.
- c. Chịu trách nhiệm trước CC1 về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho CC1 thì phải chịu



trách nhiệm hành chính và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý của CCI.

- d. Chịu sự giám sát, kiểm tra của CCI; định kỳ hoặc theo yêu cầu của CCI thực hiện báo cáo chính xác, đầy đủ về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính, hiệu quả sử dụng phần vốn góp CCI tại công ty con, công ty liên kết; việc thực hiện các nhiệm vụ CCI giao.

4. Các báo cáo và thời gian báo cáo như sau:

- a. Báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc CCI về hoạt động của doanh nghiệp theo Quy chế quản lý phần vốn của CCI đầu tư tại doanh nghiệp khác.
- b. Định kỳ sáu (06) tháng và cuối năm, tổng hợp các chỉ tiêu tài chính; phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng vốn tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán, phân chia lợi tức và các quyền lợi khác; kiến nghị biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả vốn và các nguồn lực của CCI tại công ty con, công ty liên kết.

Báo cáo gửi CCI chậm nhất là mười lăm (15) ngày sau khi công ty con, công ty liên kết hoàn tất báo cáo tài chính (sáu tháng; năm) theo quy định hiện hành.

- c. Báo cáo CCI chủ trương bán bớt hoặc mua thêm cổ phần của công ty con, công ty liên kết.
  - d. Ngoài các báo cáo định kỳ nêu trên, người đại diện phần vốn của CCI phải báo cáo về tình hình công ty con, công ty liên kết khi có những vấn đề lớn phát sinh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty con, công ty liên kết.
5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty con, công ty liên kết.





## **Chương XVIII**

### **CON DẤU**

#### **Điều 66. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của CC1 và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương XIX**

### **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 67. Giải thể, chấm dứt hoạt động**

1. CC1 có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Toà án tuyên bố CC1 phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể CC1 trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

## **Chương XX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
  - a. Cổ đông với CC1.
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.



Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền.

## Chương XXI

### BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

#### Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của CC1 chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của CC1.



## **Chương XXII**

### **NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 70. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 70 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày tháng năm tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của CC1.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**

## PHỤ LỤC

### SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Kèm theo Tờ trình số                      ngày      tháng      năm 2020)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
1	<p><b>Điểm g, Khoản 1, Điều 1 – Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ:</b></p> <p><i>“Cổ đông” là các cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Tổng công ty</i></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm g, Khoản 1, Điều 1:</b></p> <p>“Cổ đông” là các cá nhân, tổ chức sở hữu <u>ít nhất một</u> cổ phần của Tổng công ty.</p>	Sửa đổi theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Luật Doanh Nghiệp 2020.
2	<p><b>Điểm h, Khoản 1, Điều 1 – Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ:</b></p> <p><i>“Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”</i></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm h, Khoản 1, Điều 1:</b></p> <p>“Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.”</p>	Sửa đổi theo quy định tại khoản 5, Điều 4 Luật Doanh Nghiệp 2020.
3	<p><b>Điểm j, Khoản 1, Điều 1 – Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ:</b></p> <p><i>“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm j, Khoản 1, Điều 1:</b></p> <p>“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của <u>Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</u></p>	
4	<p><b>Điểm l, Khoản 1, Điều 1 – Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ:</b></p> <p><i>“Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <del>Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.</del></i></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm l, Khoản 1, Điều 1:</b></p> <p>Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.</u></p>	Áp dụng theo quy định tại Luật Chứng Khoán 2019 và Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
5	<p><b>Khoản 4, Điều 3 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp</b></p> <p><i>4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của CCI. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của CCI được quy định cụ thể tại Điều 40, Điều 50 và Điều 51 Điều lệ này.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 3:</b></p> <p>CCI có một người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của CCI. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 50 và Điều 51, các điều khoản khác của Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</p>	Số lượng người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể theo khoản 2, Điều 12 Luật Doanh Nghiệp 2020.
6	<p><b>Khoản 4, Điều 6 – Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <p><i>CCI có thể phát hành các loại cổ phần khác (trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết) phù hợp với các quy định của pháp luật sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 6:</b></p> <p>CCI có thể phát hành cổ phần (trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết), trái phiếu và các loại chứng khoán khác phù hợp với các quy định của pháp luật sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Sửa đổi theo quy định tại khoản 3, Điều 111 Luật Doanh Nghiệp 2020.
7	<p><b>Khoản 5, Điều 6 – Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <p><i>Trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ thì cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong CCI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. CCI phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu là hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của CCI quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 5, Điều 6</b></p> <p>Trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ thì cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong CCI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. CCI phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (<u>chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần</u>) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của CCI quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối</p>	Sửa đổi theo khoản 2, Điều 124 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</i></p>	<p>tương theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	
8	<p><b>Khoản 4, Điều 7 – Chứng nhận cổ phiếu</b>  <i>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho CCI.</i>  <del><i>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi gửi đề nghị cấp cổ phiếu mới, chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị CCI cấp cổ phiếu mới.</i></del></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 7:</b>          Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, <u>cổ đông có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho CCI. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung được quy định tại Khoản 3, Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định khoản 3, Điều 121 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
9	<p><b>Điểm d, Khoản 2, Điều 8 – Sổ đăng ký cổ đông</b>  <i>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 8:</b>          Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 122 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
10	<b>Khoản 3, Điều 8 – Sổ đăng ký cổ đông</b> <i>Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</i>	<b>Sửa đổi Khoản 3, Điều 8:</b> Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ <u>sổ đăng ký cổ đông</u> . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.	Sửa đổi theo quy định tại khoản 3, Điều 122 Luật Doanh Nghiệp 2020.
11	<b>Khoản 4, Điều 8 – Sổ đăng ký cổ đông</b> <i>Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</i>	<b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 8:</b> Trường hợp cổ đông có thay đổi <u>địa chỉ liên lạc</u> thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.	Sửa đổi theo quy định tại khoản 4, Điều 122 Luật Doanh Nghiệp 2020.
12	<b>Không quy định</b>	<b>Bổ sung Khoản 5, Điều 8:</b> <u>Tổng công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.</u>	Bổ sung khoản mới do Điều 122 Luật Doanh Nghiệp 2020 quy định thêm một khoản mới so với Luật Doanh Nghiệp 2014.
13	<b>Khoản 1, Điều 10 – Phát hành và chào bán cổ phần</b> <i>1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được</i>	<b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 10:</b> 1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại <u>thời điểm bán</u> hoặc giá trị được ghi trong sổ	Sửa đổi theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>ghi trong sổ sách của CCI tại thời điểm gần nhất trừ trường hợp sau đây:</p> <p>a. <del>Cổ phần chào bán</del> cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở CCI.</p> <p>b. <del>Cổ phần chào bán</del> cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>sách của CCI tại thời điểm gần nhất trừ trường hợp sau đây:</p> <p>a. <u>Cổ phần bán</u> cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở CCI.</p> <p>b. <u>Cổ phần bán</u> cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	
14	<p><b>Điểm a, Khoản 2, Điều 10 – Phát hành và chào bán cổ phần</b></p> <p>CCI phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông <del>đảm bảo đến được địa chỉ thường trú</del> của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba (03) số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thông báo.</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm a, Khoản 2, Điều 10:</b></p> <p>CCI phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông <u>theo phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc</u> của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba (03) số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thông báo.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 2, Điều 124 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
15	<p><b>Điểm c, Khoản 2, Điều 10 – Phát hành và chào bán cổ phần</b></p> <p><del>Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về CCI đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó</del></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm c, Khoản 2, Điều 10:</b></p> <p>Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về CCI đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần <u>dự kiến chào bán</u> không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị <u>có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại</u> cho cổ đông của CCI hoặc người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 3, Điều 124 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>cho cổ đông của CCI hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.</i>	các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	
16	<b>Khoản 3, Điều 10 – Phát hành và chào bán cổ phần</b> <i>Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông hoặc phù hợp với các quy định pháp luật về chứng khoán có liên quan. Kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của CCI.</i>	<b>Sửa đổi Khoản 3, Điều 10:</b> Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông hoặc phù hợp với các quy định pháp luật về chứng khoán có liên quan. Kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của CCI.	Sửa đổi phù hợp với thứ tự điều luật trong Luật Doanh Nghiệp 2020 (khoản 4, Điều 124 Luật Doanh Nghiệp 2020).
17	<b>Khoản 4, Điều 10 – Phát hành và chào bán cổ phần</b> <i>Sau khi cổ phần được bán, CCI phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. CCI có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này các thông tin về cổ đông quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại CCI.</i>	<b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 10:</b> Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, CCI phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. CCI có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại CCI.	Sửa đổi phù hợp với thứ tự điều luật trong Luật Doanh Nghiệp 2020 (khoản 5, Điều 124 Luật Doanh Nghiệp 2020).
18	<b>Khoản 1, Điều 11 – Chuyển nhượng cổ phần</b> <i>1. Tất cả các cổ phần (ngoại trừ cổ phần dành cho cổ đông chiến lược) đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển</i>	<b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 11:</b> 1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (nếu có). Cổ	Theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều lệ cũ của CCI có quy định trường hợp cần chuyển

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Cổ phần của cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu năm (05) năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</i></p>	<p>phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>nhượng số cổ phần của cổ đông chiến lược trước thời hạn thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>
19	<p><b>Không quy định</b></p>	<p><b>Bổ sung Khoản 4, Điều 11 – Chuyển nhượng cổ phần</b>  <u>Tổng công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu và các hồ sơ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán mua cổ phần của cổ đông.</u></p>	<p>Luật Doanh Nghiệp 2020 bổ sung thêm 01 khoản mới về nội dung này so với Luật Doanh Nghiệp 2014 (Khoản 7, Điều 127 Luật Doanh Nghiệp 2020).</p>
20	<p><b>Điều 13 – Phát hành trái phiếu</b>  1. <i>CCI có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i>  2. <i>CCI không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</i></p>	<p><b>Sửa đổi nội dung Điều 13 như sau:</b>  <b>Điều 13 – <u>Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu</u></b>  1. <u>CCI có quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này</u>  2. <u>Trình tự, thủ tục chào bán và chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định của Luật Chứng Khoán 2019 và Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><del>3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.</del></p> <p><del>4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</del></p> <p><del>5. Trường hợp CCI phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan. CCI thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.</del></p>		
21	<p><b>Điều 14 – Mua cổ phần, trái phiếu</b></p> <p><i>Cổ phần, trái phiếu của CCI có thể được mua bằng tiền Việt Nam, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán đầy đủ.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Điều 14:</b></p> <p>Cổ phần, trái phiếu của CCI có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán một lần.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 131 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
22	<p><b>Khoản 1, Điều 15 – Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</b></p> <p><i>1. Cổ đông biểu quyết phê duyệt quyết định về việc tổ chức lại CCI hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 15:</b></p> <p>1. Cổ đông <u>đã</u> biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại CCI hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu CCI</p>	<p>Sửa đổi theo khoản I, Điều 132 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu CCI mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến CCI trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</i></p>	<p>mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến CCI trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>ngghi quyết</u> về các vấn đề quy định tại khoản này.</p>	
23	<p><b>Khoản 2, Điều 15 – Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</b></p> <p><i>2. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần-cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên-nghiệp định giá. CCI giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 2, Điều 15:</b></p> <p>2. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1, Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một <u>tổ chức thẩm định giá định giá</u>. CCI giới thiệu ít nhất <u>ba tổ chức thẩm định giá</u> để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2, Điều 132 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
24	<p><b>Khoản 2, Điều 16 – Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty</b></p> <p><i>CCI có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã bán theo quy định sau đây:</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 2, Điều 16:</b></p> <p>CCI có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, <u>một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán</u> theo quy định sau đây:</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.	2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.	
25	<b>Khoản 4, Điều 16 – Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty</b> 4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được CCI trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. <del>Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. CCI chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</del>	<b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 16:</b> 4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được CCI trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. <u>Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. CCI chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</u>	Sửa đổi theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 133 Luật Doanh Nghiệp 2020.
26	<b>Khoản 1, 2, 3, Điều 17 – Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b> 1. CCI chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại <del>Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần</del>	<b>Sửa đổi Khoản 1, 2, 3 Điều 17:</b> 1. CCI chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại <u>Điều 15 và Điều 16</u> của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, CCI vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.	Chính sửa lại thứ tự Điều trong Điều lệ. Khoản 3, Điều 17 sửa đổi theo quy định tại khoản 3, Điều 134 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>được mua lại, CCI vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Tổng công ty.</p>	<p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.</p>	
27	<p><b>Điều 18 – Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại</b></p> <p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này thì cổ đông phải hoàn trả cho CCI số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho CCI thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CCI trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</p>	<p><b>Sửa đổi Điều 18:</b></p> <p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại <b>Khoản 1, Điều 17</b> của Điều lệ này thì cổ đông phải hoàn trả cho CCI số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho CCI thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CCI trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</p>	<p>Chính sửa lại thứ tự Điều trong Điều lệ.</p>
28	<p><b>Điểm d, Khoản 2, Điều 21 – Quyền của cổ đông</b></p> <p>Được ưu tiên mua <del>cổ phiếu mới chào bán</del> tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 21:</b></p> <p>Được ưu tiên mua <u>cổ phần mới</u> tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.</p>	<p>Sửa đổi theo điểm c, khoản 1, Điều 11.5 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
29	<b>Điểm e, Khoản 2, Điều 21 – Quyền của cổ đông</b> <i>Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.</i>	<b>Sửa đổi Điểm e, Khoản 2, Điều 21:</b> Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin <u>về tên và địa chỉ liên lạc</u> trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.	Sửa đổi theo điểm đ, khoản 1, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.
30	<b>Điểm a &amp; b, Khoản 3, Điều 21 – Quyền của cổ đông</b> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: a. <del>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</del> b. <del>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</del>	<b>Bỏ Điểm a &amp; sửa đổi Điểm b, Khoản 3, Điều 21:</b> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. <u>Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 115 Luật Doanh nghiệp; đề nghị Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u>	Sửa đổi tỷ lệ theo quy định tại khoản 3, Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp 2020. Bỏ điểm a do không còn phù hợp với Luật Doanh Nghiệp 2020.
31	<b>Điểm d, Khoản 3, Điều 21 – Quyền của cổ đông</b> <i>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ</i>	<b>Sửa đổi Điểm d, Khoản 3, Điều 21 như sau:</b> <b>Sắp xếp lại thứ tự thành Điểm c, Khoản 3, Điều 21</b> Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	Sửa đổi theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra</i>		
32	<b>Điểm e, Khoản 3, Điều 21 – Quyền của cổ đông</b> <i>Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</i>	<b>Sửa đổi Điểm e, Khoản 3, Điều 21</b> <b>Sắp xếp lại thứ tự thành Điểm d, Khoản 3, Điều 21</b> <i>Xem xét, <u>tra cứu</u> và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, <u>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.</u></i>	Sửa đổi theo Điểm a, Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.
33		<b>Bổ sung thêm Khoản 4, Điều 21:</b> <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</u>	Theo quy định tại Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.
34	<b>Điều 22 – Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi CCI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được CCI hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong CCI phải cùng liên đới chịu trách nhiệm	<b>Sắp xếp lại thứ tự các khoản và bổ sung thêm Khoản 5, Điều 22:</b> Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi CCI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được CCI hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong CCI phải cùng liên đới chịu trách nhiệm	Bổ sung theo quy định tại Khoản 5, Điều 119 Luật Doanh Nghiệp 2020 và Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính.



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của CC1.</p> <p>3. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</p>	<p>về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của CC1.</p> <p>4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>5. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</u></p> <p>6. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></p> <p>7. <u>Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</u></p> <p>8. <u>Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</u></p> <p>9. <u>Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p>10. <u>Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</u></p> <p style="padding-left: 20px;">a. <u>Vi phạm pháp luật;</u></p> <p style="padding-left: 20px;">b. <u>Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p style="padding-left: 20px;">c. <u>Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</u></p> <p>11. <u>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi</u></p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<p><u>ích hợp pháp của mình: nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</u></p> <p>12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</p>	
35	<p><b>Khoản 2, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 2, Điều 23:</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 139 Luật Doanh Nghiệp 2020.
36	<p><b>Điểm b, Khoản 4, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một ít nhất một phần tư (1/4) so với số đầu kỳ.</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm b, Khoản 4, Điều 23:</b></p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một phần hai (1/2) so với số đầu kỳ.</p>	Sửa đổi theo Điểm b, Khoản 3, Điều 14 Điều lệ mẫu – Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính.
37	<p><b>Điểm c, Khoản 4, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ.</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm c, Khoản 4, Điều 23:</b></p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ.</p>	Sửa đổi theo Điểm b, Khoản 1, Điều 140 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
38	<p><b>Điểm b, Khoản 5, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CCI. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm b, Khoản 5, Điều 23:</b></p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CCI. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Thay đổi theo thứ tự điều luật được quy định tại Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
39	<p><b>Điểm c, Khoản 5, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 23 này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CCI. <del>Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d, Khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</del></p> <p><del>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</del></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm c, Khoản 5, Điều 23:</b></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, <b>Error! Reference source not found.</b> này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CCI. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 4, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3, Điều 140 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p> <p>Nội dung này được tách từ Điểm c, Khoản 5, Điều 23 Điều lệ, và</p> <p>Sửa đổi theo Khoản 4, Điều 140 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
40	<p><b>Điều 24 – Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>  <del>Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</del></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><del>1. Thông qua định hướng phát triển của công ty.</del></li> <li><del>2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.</del></li> <li><del>3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.</del></li> <li><del>4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CCI.</del></li> <li><del>5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.</del></li> <li><del>6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.</del></li> <li><del>7. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</del></li> <li><del>8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông CCI.</del></li> <li><del>9. Quyết định tổ chức lại, giải thể CCI.</del></li> </ol>	<p>Sửa đổi Điều 24:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</u> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <u>Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.</u></li> <li>b. <u>Báo cáo tài chính hàng năm.</u></li> <li>c. <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></li> <li>d. <u>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.</u></li> <li>e. <u>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.</u></li> <li>f. <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</u></li> <li>g. <u>Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></li> </ol> </li> </ol>	<p>Phân tách những vấn đề được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; Đại hội đồng cổ đông bất thường và các trường hợp cổ đông không được tham gia bỏ phiếu.</p> <p>Khoản 1, Điều 24 của Điều lệ sửa đổi theo quy định tại khoản 3, Điều 139 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
40		<ol style="list-style-type: none"> <li>2. <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</u> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <u>Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</u></li> </ol> </li> </ol>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>b. <u>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.</u></li> <li>c. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.</u></li> <li>d. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác.</u></li> <li>e. <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.</u></li> <li>f. <u>Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.</u></li> <li>g. <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</u></li> <li>h. <u>Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông công ty.</u></li> <li>i. <u>Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty và chỉ định người thanh lý.</u></li> <li>j. <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></li> <li>k. <u>Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</u></li> </ul>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		l. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty.</u> m. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.</u>	
41		3. <u>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</u> a. <u>Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2, Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</u> b. <u>Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</u> 4. <u>Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	Sửa đổi theo Khoản 3, Điều 15 Điều lệ mẫu – Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính.
42	<b>Khoản 1, Điều 25 – Quyền dự họp ĐHĐCĐ</b> I. <u>Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc khi có nhiều hơn một người đại diện được cử</u>	<b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 25:</b> 1. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp</u>	Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 144 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</i>	<u>hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u>	
43	<b>Điểm b, Khoản 2, Điều 25 – Quyền dự họp ĐHDCD</b> 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của CCI và phải có chữ ký theo quy định sau đây: b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;	Sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 25: 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải <u>lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự (tham khảo mẫu giấy ủy quyền của CCI), phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền</u> và phải có chữ ký theo quy định sau đây: b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.	Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 144 Luật Doanh Nghiệp 2020. Sửa đổi theo Điểm b, Khoản 2, Điều 16 Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn ND 71/2017/ND-CP.
44	<b>Điểm a, Khoản 2, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b> a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <del>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông;</del> chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của CCI.	Sửa đổi Điểm a, Khoản 2, Điều 26: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội và danh sách được lập <u>không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u> chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của CCI.	Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 141 Luật Doanh Nghiệp 2020.
45	<b>Khoản 3, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Sửa đổi Khoản 3, Điều 26: 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 143 Luật Doanh Nghiệp 2020; và .

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của CCI. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc <del>và</del> đăng trên trang thông tin điện tử của CCI. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>từ (website) của CCI, UBCKNN, Sở GD&amp;ĐT. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <u>chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông</u>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông <u>hoặc</u> đăng trên trang thông tin điện tử của CCI. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Khoản 3, Điều 18 Điều lệ mẫu – Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính.</p>
46	<p><b>Khoản 4, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 21 Điều lệ này có quyền <del>đề xuất</del> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <del>Đề xuất</del> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <del>Đề xuất</del> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 26:</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 21 Điều lệ này có quyền <u>kiến nghị</u> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 23, Điều 142 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
47	<p><b>Khoản 5, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 26 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <del>Đề xuất</del> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 5, Điều 26:</p> <p>5. <u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</u> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Kiến nghị</u> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>c. Vấn đề <u>kiến nghị</u> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3, Điều 142 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p> <p>Điểm b, Khoản 5, Điều 26 sửa đổi tỷ lệ theo quy định tại khoản, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
48	<p><b>Khoản 6, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>6. <del>Hội đồng quản trị</del> phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 6, Điều 26:</p> <p>6. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình và nội dung cuộc họp, <u>bao gồm các kiến nghị được nêu tại Khoản 4, Điều này; trừ trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 4, Điều 142 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
49	<p><b>Khoản 1, Điều 27 - Các điều kiện tiến hành họp ĐHDCĐ</b></p>	<p>Sửa đổi Khoản 1, Điều 27:</p>	<p>Giữ nguyên tỷ lệ do phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 145 Luật Doanh</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu lăm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu lăm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.	Nghị quyết 2020: "...khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định".
50	<b>Khoản 2, Điều 27 – Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b> 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.	<b>Sửa đổi Khoản 2, Điều 27:</b> 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. <u>Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi</u> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51% (năm một phần trăm)</u> cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 145 Luật Doanh Nghiệp 2020. Giữ nguyên tỷ lệ "ít nhất 51%" do phù hợp với quy định "...khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định".
51	<b>Khoản 3, Điều 27 – Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b> 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập</u> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay	<b>Sửa đổi Khoản 3, Điều 27:</b> 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi</u> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Điều 145 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>dại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</i>	định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	
52	<p><b>Khoản 3, Điều 28 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b></p> <p>3. <i>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</i></p>	<p><b>Sửa Khoản 3, Điều 28:</b></p> <p>3. Cổ đông <u>hoặc người được ủy quyền dự họp</u> đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.</p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 6, Điều 146 Luật Doanh Nghiệp 2020.
53	<p><b>Khoản 4, Điều 28 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b></p> <p>4. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p><i>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 28:</b></p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc <u>ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát <u>điều hành để</u> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Sửa đổi theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 146 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
54	<p><b>Khoản 6, Điều 28 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 6, Điều 28:</b></p> <p>6. <u>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại Khoản 8, Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 8, Điều 146 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
55	<p><b>Khoản 8, Điều 28 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 8, Điều 28:</b></p> <p>8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà được cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định Khoản 7, Điều 146 Luật Doanh Nghiệp.</p>
56	<p><b>Khoản 9, Điều 28 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>9. Hội đồng quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</i></p> <p><i>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 9, Điều 28:</b></p> <p>9. <u>Chủ tọa sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được chủ tọa cho là thích hợp để:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <u>Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</u></li> <li>b. <u>Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.</u></li> </ol>	<p>Sửa đổi theo quy định Khoản 7, Điều 146 Luật Doanh Nghiệp.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p><del>Hội đồng quản trị</del> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p><u>Chủ toạ</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu <u>chủ toạ</u> thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
57	<p><b>Không quy định</b></p>	<p><b>Bổ sung Khoản 12, Điều 28:</b></p> <p><u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p>	<p>Áp dụng theo Khoản 5, Điều 146 Luật Doanh Nghiệp 2020 trong đó: "...Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.."</p> <p>Sửa đổi Khoản 5, Điều 142 Luật Doanh Nghiệp 2014: "...Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành,</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
			không tán thành, không có ý kiến."
58	<p><b>Khoản 1, Điều 29 – Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <del>ít nhất</del> <b>65%</b> (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý CCI.</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <del>bằng hoặc lớn hơn</del> <b>35%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CCI.</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể CCI.</p> <p>f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của CCI.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 29:</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>từ 65%</u> (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết <u>trở lên</u> của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 6 điều này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý CCI.</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>từ 35%</u> tổng giá trị tài sản <u>trở lên</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CCI.</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể CCI.</p> <p>f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của CCI.</p>	Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 148 Luật Doanh Nghiệp 2020.
59	<p><b>Khoản 2, Điều 29 – Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</b></p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <del>ít nhất</del> <b>51%</b> (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 2, Điều 29:</b></p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện <u>trên 50 %</u> (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, <u>khoản 4 và khoản 6</u> Điều này.</p>	Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 148 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
60	<p><b>Khoản 3, Điều 29 – Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</b></p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 3, Điều 29:</b></p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết <u>hoặc một phần</u> tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	Sửa đổi theo quy định Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh Nghiệp 2020.
61	<p><b>Khoản 1, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 30:</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, <u>trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	Theo quy định tại Khoản 1, Điều 149 Luật Doanh Nghiệp 2020.
62	<p><b>Điểm c, Khoản 3, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>c. <del>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.</del></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm c, Khoản 3, Điều 30:</b></p> <p>c. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.</u></p>	Sửa đổi theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 149 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
63	<p>Điểm g, Khoản 3, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty</i></p>	<p>Sửa đổi Điểm g, Khoản 3, Điều 30:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi theo quy định tại Điểm g, Khoản 3, Điều 149 Luật Doanh Nghiệp 2020.
64	<p>Điểm c và f, Khoản 4, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý CC1. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua.</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa đổi Điểm c và f, Khoản 4, Điều 30:</p> <p>4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, <u>giám sát</u> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý CC1. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</u></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu <u>và người kiểm phiếu.</u></p>	Bổ sung và sửa đổi theo quy định tại Điểm đ và Điểm e, Khoản 5, Điều 149 Luật Doanh Nghiệp 2020.
65	<p>Khoản 5, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của CC1 trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 5, Điều 30:</p> <p>5. Biên bản kiểm phiếu <u>và nghị quyết</u> phải được công bố trên website của CC1 trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ <u>hoặc</u> gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 6, Điều 149 Luật Doanh Nghiệp 2020.



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
66	<p><b>Điểm i, Khoản 1, Điều 31 – Biên bản họp ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>1. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i></p> <p><i>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Điểm i, Khoản 1, Điều 31:</b></p> <p>i. <u>Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</u></p> <p><u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 150 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p> <p>Đoạn “<i>Biên bản được lập.....có hiệu lực áp dụng</i>” sẽ được chuyển xuống khoản 2 Điều này để phù hợp về mặt nội dung.</p>
67	<p><b>Khoản 2, Điều 31 – Biên bản họp ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 2, Điều 31:</b></p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p><u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u></p>	<p>Sắp xếp lại nội dung.</p>
68	<p><b>Khoản 3, Điều 31 – Biên bản họp ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 3, Điều 31:</b></p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong <u>biên bản họp</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Điều 150 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>
69	<p><b>Khoản 3, Điều 31 – Biên bản họp ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ</i></p>	<p><b>Sắp xếp lại thứ tự điều khoản của Điều 31.</b></p> <p><b>Điều chỉnh thành Khoản 4, Điều 31</b></p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên <u>trang thông tin điện tử của CCI trong thời hạn 24 giờ hoặc</u></p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3, Điều 23 Điều lệ mẫu – Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của CCI-</i>	gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	22/9/2017 của Bộ Tài Chính.
70	<p><b>Khoản 1, Điều 32 – Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>1. <i>Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7, Điều 26 Điều lệ này.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 32:</b></p> <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được <u>ngợi quyết</u> hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 115 của Luật <u>doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7, Điều 26 Điều lệ này.</p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 151 Luật Doanh Nghiệp 2020.
71	<p><b>Khoản 1, Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><i>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 33</b></p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>năm (05)</u> thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Sửa đổi để phù hợp với mục tiêu quản trị của CCI.
72	<p><b>Khoản 2, Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 2, Điều 33</b></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với</p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	
73	<p><b>Điểm b và Điểm d, Khoản 4, Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của CCI.</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm b và Điểm d, Khoản 4, Điều 33:</b></p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của CCI <u>và được chấp thuận</u>.</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, <u>trừ trường hợp bất khả kháng</u>.</p>	<p>Sửa đổi theo Điểm b, Khoản 1 và Điểm a, Khoản 2, Điều 160 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p> <p>Điểm f và Điểm g, Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính..</p>
74	<p><b>Điểm h, Khoản 3, Điều 34: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, quy định này không áp dụng đối với</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm h, Khoản 3, Điều 34:</b></p> <p>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 4, Điều 51, Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi theo Điểm h, Khoản 2, Điều 153 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 4, Điều 51 Điều lệ này.</i>		
75	<b>Khoản 1, Điều 35: Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> <i>1. Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của CCI. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</i>	<b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 35:</b> <i>1. Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc.</u></i>	Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
76	<b>Điểm b, Khoản 3, Điều 36: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> <i>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của CCI. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</i>  <i>b. Từ bốn (04) thành viên Hội đồng quản trị.</i>	<b>Sửa đổi Điểm b, Khoản 3, Điều 36</b> <i>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của CCI. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</i>  ... <i>b. <u>Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.</u></i>	Sửa đổi theo Điểm c, Khoản 3, Điều 157 Luật Doanh Nghiệp 2020.
77	<b>Khoản 10, Điều 36: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> <i>10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên</i>	<b>Sửa đổi Khoản 10, Điều 36:</b> <i>10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành</i>	Sửa đổi theo Khoản 12, Điều 157 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>Hội đồng quản trị có mặt (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</i>	và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	
78	<p><b>Điểm h, i, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 37: Biên bản họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Sửa đổi Điểm h, i, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 37:</b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và <u>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều này.</u></p> <p>2. Chủ tọa và người ghi biên bản và <u>những người ký tên trong biên bản</u> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi theo Khoản 1 và 2, Điều 158 Luật Doanh Nghiệp 2020
79	<p><b>Khoản 1, Điều 42: Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh CCI khởi</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 1, Điều 42:</b></p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh CCI khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám</p>	Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 166 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của CCI để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>e. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của CCI để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>dộc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho CCI hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Không thực hiện thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>c. Lạm dụng địa vị chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của CCI để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>	
80	<p><b>Khoản 3, Điều 43: Ban kiểm soát</b></p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 3, Điều 43:</b></p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
81	<p><b>Điều 44: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p> <p><i>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><del>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.</del></li> <li><del>2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.</del></li> <li><del>3. Không được giữ các chức vụ quản lý trong CCI; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của CCI.</del></li> </ol>	<p><b>Sửa đổi, bổ sung Điều 44:</b></p> <p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li><u>1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020.</u></li> <li><u>2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</u></li> <li><u>3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.</u></li> <li><u>4. Không phải là người quản lý trong CCI; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của CCI.</u></li> <li><u>5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của CCI.</u></li> <li><u>6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CCI trong 03 năm liền kề trước đó.</u></li> <li><u>7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.</u></li> </ol>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 169 Luật Doanh Nghiệp 2020 và Khoản 2, Khoản 3, Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p>
82	<p><b>Khoản 3, 8, 9, 10 của Điều 45: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><del>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của CCI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</del></li> </ol>	<p><b>Sửa đổi Khoản 3, 8, 9, 10 của Điều 45:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><u>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của CCI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc</u></li> </ol>	<p>Sửa đổi theo Điều 170 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của CCI.</p> <p>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của CCI để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>	<p><u>thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của CCI.</p> <p>10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của CCI để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>	
83	<p><b>Điều 46: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo <del>phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</del></p> <p>2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị <del>phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</del></p> <p>3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do CCI phát hành <del>được gửi đến các</del></p>	<p><b>Sửa đổi Điều 46:</b></p> <p>1. <u>Tài liệu và thông tin gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm</u></p> <p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;</p> <p>b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do CCI phát hành.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 171 Luật Doanh Nghiệp 2020.</p>



STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</i>	<p>2. <u>Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của CCI lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của CCI trong giờ làm việc theo kế hoạch.</u></p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của CCI theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</u></p>	
84	<p><b>Khoản 6, Điều 48: Trách nhiệm của Kiểm soát viên</b></p> <p>6. <i>Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</i></p>	<p><b>Sửa đổi, bổ sung Khoản 6, Điều 48:</b></p> <p>6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p>	Sửa đổi theo Khoản 6, Điều 173 Luật Doanh Nghiệp 2020.
85	<p><b>Điều 49: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b></p> <p>1. <i>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a. <i>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.</i></p> <p>b. <i>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</i></p> <p>c. <i>Có đơn từ chức và được chấp thuận.</i></p>	<p><b>Sửa đổi Điều 49:</b></p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.</p>	Sửa đổi theo Điều 174 Luật Doanh Nghiệp 2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>b. <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</u></p> <p>c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
86	<p><b>Khoản 4, Điều 70: Ngày hiệu lực</b></p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <del>hoặc Tổng giám đốc (người đại diện theo pháp luật)</del>, hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 4, Điều 70:</b></p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 4, Điều 57 Điều lệ Mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính.</p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi:                   **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CCI



**LÊ DŨNG**

TP. HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

## **QUY CHẾ**

### **ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP NHIỆM KỲ 2016 - 2021**

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này được áp dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CCI), nhiệm kỳ 2016 – 2021, tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường, đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
2. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên HDQT, bao gồm:
  - Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.
  - Quy định về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông sở hữu cổ phần Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP chốt đến 17 giờ 00, ngày 31/12/2020), thành viên Ban Bầu cử và Kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

##### **Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông**

###### **1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội**

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp ĐHĐCĐ đều được nhận một Phiếu bầu cử Thành viên HDQT, trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu.

## **2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội**

- Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này.
- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội.
- Cổ đông, đại diện cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 3. Đề cử, ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị**

##### **1. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên HĐQT CC1 phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT CC1, cụ thể như sau:

- Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Thành viên HĐQT của CC1 không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 5 công ty khác.
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của CC1.

##### **2. Đề cử, ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị**

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (số lượng ứng viên bằng với số lượng thành viên HĐQT).

- Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm hoặc các cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng viên.

### **3. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên HĐQT**

- Đơn đề cử, ứng cử;
- Sơ yếu lý lịch;
- Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân tương đương.

## **Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

### **1. Phiếu bầu**

- Phiếu bầu được in thống nhất do CC1 phát hành và có đóng dấu treo của CC1 (đính kèm mẫu phiếu bầu).
- Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; Tên cổ đông/Người đại diện ủy quyền; Tổng số phiếu biểu quyết bầu cử.
- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội.
- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban bầu cử và Kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác.

### **2. Ghi phiếu bầu**

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (có giấy uỷ quyền), người được uỷ quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.
- Nếu bầu dồn toàn bộ phiếu cho 01 ứng viên hoặc chia đều phiếu bầu của mình cho nhiều ứng viên, cổ đông/người đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của ứng viên tương ứng, số phiếu bầu sẽ dồn toàn bộ cho một ứng viên (trường hợp chọn một ứng viên) hoặc chia đều cho các ứng viên được chọn (trường hợp chọn nhiều ứng viên).

- Khi cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” số phiếu biểu quyết sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô “Số phiếu biểu quyết” của các ứng viên tương ứng. Các ứng cử viên không được lựa chọn thì cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số “0” hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu biểu quyết”.
- Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng vào ô “Số phiếu biểu quyết” thì kết quả được lấy theo số lượng phiếu bầu tại ô “Số phiếu biểu quyết”.
- Tổng số phiếu biểu quyết cho ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu bổ sung).
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác.
- Cổ đông/đại diện ủy quyền ký xác nhận việc thực hiện bầu vào dưới phiếu bầu.

### **3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không theo mẫu quy định của Tổng Công ty, không có đóng dấu của Tổng Công ty.
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết bầu cử đã bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết bầu cử được bầu của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).
- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền không ký xác nhận trên Phiếu bầu.
- Phiếu bầu không ghi số lượng phiếu biểu quyết bầu cho ít nhất một ứng cử viên.
- Phiếu bầu vượt phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

## **Điều 5. Phương thức bầu cử**

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm số cổ phần sở hữu và/hoặc cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng Thành viên HĐQT được bầu. Cổ đông có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của mình cho ứng cử viên.

## **Điều 6. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

### **1. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu**

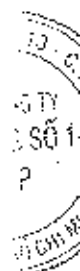
- Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm 06 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT CCI.
- Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT, bao gồm: Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu HĐQT, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu; công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

### **2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

## **Điều 7. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Hội đồng quản trị**

- Ứng cử viên trúng cử vào HĐQT là ứng cử viên có số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà ĐHĐCĐ đã biểu quyết.





- Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên HĐQT do có nhiều ứng cử viên có số phiếu biểu quyết bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu biểu quyết bầu cao hơn.

#### **Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

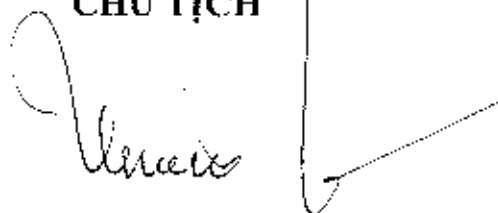
- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; Số và tỉ lệ phiếu biểu quyết bầu cử cho từng ứng cử viên vào HĐQT; Danh sách thành viên HĐQT trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu biểu quyết bầu từ cao xuống thấp.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

**Điều 9.** Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 10.** Quy chế này gồm 02 Chương và 10 Điều, có hiệu lực thi hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**LÊ DŨNG**



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2020 - 2021**  
**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

**PHIẾU BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên cổ đông: .....

Mã số cổ đông: .....

Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện: .....cổ phiếu

Số thành viên HĐQT bầu bổ sung nhiệm kỳ 2016 -- 2021: 03 thành viên

Số phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT (\*): .....phiếu

STT	Ứng cử viên thành viên HĐQT	Bầu đồng đều phiếu	Số phiếu biểu quyết
1		<input type="checkbox"/>	
2		<input type="checkbox"/>	
3		<input type="checkbox"/>	
4		<input type="checkbox"/>	
5		<input type="checkbox"/>	

*TP. Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm 2021*  
**Chữ ký của cổ đông/người được ủy quyền**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(\*) Số phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT – Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện x số thành viên HĐQT bầu bổ sung.*

*Cách ghi phiếu bầu được quy định tại Điều 4 Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT tại phiên họp ĐHĐCĐ bất thường của Tổng công ty xây dựng số 1 – CTCP nhiệm kỳ 2016 -- 2021.*



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị  
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP

**Kính gửi:** ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP;
- Đơn xin từ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 01/12/2020 của ông Lê Dũng;
- Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 30/11/2020 của ông Huỳnh Tấn Trí;
- Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 11/12/2020 của ông Hoàng Trung Thanh;
- Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 19/12/2020 của ông Lê Hữu Việt Đức;
- Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 24/12/2020 của ông Nguyễn Công Khai;

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc:

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên- Chủ tịch Hội đồng quản trị CCI đối với:

1. Ông Lê Dũng.

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị CCI đối với các thành viên sau đây:

1. Ông Huỳnh Tấn Trí;
2. Ông Hoàng Trung Thanh;
3. Ông Lê Hữu Việt Đức;
4. Ông Nguyễn Công Khai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



LÊ DŨNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 01 năm 2021

### TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP (CC1);
- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua miễn nhiệm 05 Thành viên Hội đồng quản trị CC1;
- Đơn đề cử, ứng cử ông Nguyễn Văn Bình tham gia Hội đồng quản trị CC1 ngày 02/01/2021 của công ty CP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc;
- Sơ yếu lý lịch thể hiện trình độ, năng lực, quá trình công tác của ông Nguyễn Văn Bình;
- Đơn đề cử, ứng cử ông Nguyễn Văn Huấn tham gia Hội đồng quản trị CC1 ngày 02/01/2021 của công ty CP Top American Việt Nam;
- Sơ yếu lý lịch thể hiện trình độ, năng lực, quá trình công tác của ông Nguyễn Văn Huấn;
- Đơn đề cử, ứng cử ông Nguyễn Thành Vinh tham gia Hội đồng quản trị CC1 ngày 02/01/2021 của nhóm cổ đông sở hữu 14.393.793 cổ phần CC1;
- Sơ yếu lý lịch thể hiện trình độ, năng lực, quá trình công tác của ông Nguyễn Thành Vinh;

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 dưới đây:

1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Ông Nguyễn Văn Huấn
3. Ông Nguyễn Thành Vinh

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CC1



LÊ DŨNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc cổ đông chiến lược được tự do chuyển nhượng cổ phần đã mua của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP.

**Kính gửi:**                   **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 29/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1);
- Quyết định 329/QĐ-BXD ngày 07/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Tiêu chí, trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện phương án cổ phần hóa Công ty mẹ- Tổng công ty Xây dựng số 1;
- Công văn số 1934/BXD-QLDN ngày 06/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận danh sách, số lượng và giá bán cổ phần đối với Nhà đầu tư đăng ký làm Nhà đầu tư chiến lược của CC1;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP;
- Hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2016/CC1-TL ngày 07/9/2016 giữa CC1 và công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tuấn Lộc;
- Hợp đồng mua bán cổ phần số 02/2016/CC1-NT ngày 07/9/2016 giữa CC1 và công ty CP Cơ điện lạnh Nam Thịnh;
- Hợp đồng mua bán cổ phần số 03/2016/CC1-TAC ngày 07/9/2016 giữa CC1 và công ty CP Top American Việt Nam;
- Nghị quyết số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2019 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP;

Theo phương án cổ phần hóa Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP (CC1) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 29/10/2015 và được sự chọn lựa, phê duyệt chấp thuận của Bộ Xây dựng, CC1 đã có 03 nhà đầu tư chiến lược là công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tuấn Lộc, công ty CP Cơ điện lạnh Nam Thịnh và công ty CP Top American Việt Nam.



Ngày 25/5/2019 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, theo đề xuất của cổ đông chiến lược, Hội đồng quản trị CCI đã trình đại hội đồng cổ đông xin thông qua chủ trương cổ đông chiến lược được tự do chuyển nhượng cổ phần sau 03 năm nắm giữ thay vì 05 năm so với cam kết trước đây phù hợp theo quy định Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị CCI chỉ đạo thực hiện sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Bộ Xây dựng có ý kiến chính thức thông qua chủ trương này. Ngày 25/11/2020 Bộ Xây dựng đã thoả toàn bộ phần vốn nhà nước tại CCI bằng hình thức đấu giá công khai trên sàn giao dịch chứng khoán.

Tại Đại hội này, một lần nữa Hội đồng quản trị CCI kính trình Đại hội cổ đông thông qua chủ trương cho phép Cổ đông chiến lược được tự do chuyển nhượng cổ phần đã mua của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP sau gần 5 năm nắm giữ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CCI**



**LÊ DŨNG**





Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

*V/v: Thông qua việc người lao động làm việc tại Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP được tự do chuyển nhượng cổ phần đã mua theo cam kết số năm làm việc.*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 29/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1);
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP;

Căn cứ theo luật định và phương án cổ phần hóa Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP (CC1) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 29/10/2015, người lao động tại CC1 được mua cổ phần như sau:

1. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của CC1 tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất trên sàn giao dịch chứng khoán khi IPO. Cổ phần ưu đãi này được tự do chuyển nhượng.
2. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của CC1 tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu - ở CC1 đang tạm tính tất cả lao động đều cam kết làm việc 10 năm) được mua thêm cổ phần ưu đãi với giá đấu thành công thấp nhất trên sàn giao dịch chứng khoán khi IPO. Cổ phần này bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết số năm làm việc tại CC1.

Hội đồng quản trị CC1 trình đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương cho phép cổ đông là người lao động làm việc tại CC1 được chuyển nhượng tự do cổ phần đã mua của CC1 bị hạn chế chuyển nhượng vì vướng cam kết thời gian làm việc trước đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



**LÊ DŨNG**